

KẾ HOẠCH

**triển khai thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW, ngày 20/8/2025
của Bộ Chính trị về “Bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030,
tầm nhìn đến năm 2045”**

Thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW, ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về “Bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (viết tắt là Nghị quyết số 70-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu rộng và thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 70-NQ/TW phù hợp với tình hình và điều kiện thực tiễn của tỉnh Đắk Lắk. Qua đó, góp phần tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, hành động của các cấp, các ngành, người sử dụng lao động, người lao động; đặc biệt là nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu trong ngành năng lượng.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của cơ quan, địa phương, đơn vị để tổ chức quán triệt, cụ thể hóa việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết số 70-NQ/TW một cách toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ với các quy hoạch kinh tế - xã hội và các chủ trương của tỉnh về thu hút đầu tư phát triển, với lộ trình phù hợp và quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả, góp phần thực hiện tốt Nghị quyết số 70-NQ/TW, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, xác định việc bảo đảm an ninh năng lượng là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt.

II- MỤC TIÊU, TẦM NHÌN

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Bảo đảm cung cấp đầy đủ năng lượng, ổn định, có chất lượng cao, giảm phát thải cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững trên địa bàn tỉnh; ưu tiên khai thác, sử dụng triệt để và hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch; đưa ngành năng lượng trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại tỉnh; khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trên địa bàn tỉnh kết hợp bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi

khí hậu; triệt để thực hành tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng; nâng cấp, phát triển lưới điện truyền tải, phân phối điện trên địa bàn tỉnh tiên tiến, hiện đại.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Đáp ứng nhu cầu năng lượng phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tổng công suất của các nguồn điện trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 đạt khoảng 7.780,5 MW¹ (trong đó, thủy điện 351,5 MW, điện gió 2.796 MW, điện mặt trời 4.314 MW, điện sinh khối 285 MW, điện rác 34 MW), sản lượng điện ước đạt khoảng 21,2 tỷ kWh², tương đương khoảng 32,63 triệu TOE (tấn dầu quy đổi)³; trong đó, ưu tiên các nguồn năng lượng tái tạo.

2.2. Phát triển hệ thống lưới điện thông minh, hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực, đảm bảo khả năng truyền tải công suất của các dự án năng lượng tái tạo; khả năng cung cấp điện an toàn, ổn định, đáp ứng tiêu chí N-1 đối với vùng phụ tải quan trọng và N-2 đối với vùng phụ tải đặc biệt quan trọng.

2.3. Phát triển hợp lý hệ thống hạ tầng phân phối xăng dầu, khí hóa lỏng nhằm đảm bảo lưu thông và bình ổn thị trường tiêu thụ, đáp ứng toàn bộ nhu cầu xăng dầu trong tỉnh; áp dụng các chính sách, khuyến khích sử dụng tiết kiệm xăng dầu, khuyến khích sử dụng nhiên liệu sinh học nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và bảo vệ môi trường. Tận dụng lợi thế hạ tầng xăng dầu để tích hợp phân phối kinh doanh hệ thống pin lưu trữ năng lượng, trạm sạc xe điện... với các dịch vụ kinh doanh tiện ích trên hệ thống giao thông đường bộ. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư hệ thống hạ tầng năng lượng xanh tích hợp đa dạng (nhiên liệu - điện - lưu trữ - trụ sạc).

2.4. Tham gia chuỗi giá trị năng lượng mới, năng lượng tái tạo, nhất là điện gió ngoài khơi, điện gió ven biển; sản xuất hydrogen, amoniac, chuỗi cung ứng, nhập khẩu, kinh doanh LNG; đầu tư phát triển kinh doanh sản phẩm năng lượng mới, năng lượng sạch, thân thiện môi trường.

2.5. Thực hiện tốt các biện pháp tiết kiệm năng lượng, góp phần hoàn thành tỉ lệ tiết kiệm năng lượng trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng đạt khoảng 8% - 10% so với kịch bản phát triển bình thường.

2.6. Phát triển điện mặt trời mái nhà tăng thêm 100MW trong giai đoạn đến năm 2030 và tăng thêm 11MW trong giai đoạn đến năm 2035 theo Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia được phê duyệt.

¹ Theo Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch điện VIII điều chỉnh và Quyết định số 1509/QĐ-BCT ngày 30/5/2025 của Bộ Công Thương phê duyệt kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh.

² Trên cơ sở tổng công suất nguồn điện được quy hoạch, sản lượng điện được tính toán căn cứ vào số giờ hoạt động của các nhà máy trong một năm, khoảng 5.600h.

³ Theo hướng dẫn của Bộ Công Thương tại Văn bản số 12415/BCT-TKNL ngày 29/12/2017.

2.7. Giảm phát thải khí nhà kính từ hoạt động năng lượng, góp phần hoàn thành chỉ tiêu chung cả nước ở mức 15% - 35% so với kịch bản bình thường.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Cung cấp năng lượng ổn định trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia; tham gia thị trường năng lượng cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; ngành năng lượng phát triển đồng bộ, bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng biến đổi khí hậu; hệ thống hạ tầng năng lượng thông minh, hiện đại, kết nối hiệu quả với các tỉnh lân cận; chất lượng nguồn nhân lực trình độ khoa học - công nghệ và năng lực quản trị ngành năng lượng đáp ứng yêu cầu sử dụng của ngành năng lượng. Chuyển đổi năng lượng xanh, phát triển năng lượng tái tạo, ứng dụng công nghệ số và tự động hóa trong quản lý hạ tầng năng lượng.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, sự tham gia của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong bảo đảm an ninh năng lượng

1.1. Cấp ủy đảng và chính quyền các cấp xác định rõ phát triển năng lượng là nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt, cần nghiêm túc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả.

1.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong ngành năng lượng; phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn, cơ chế phối hợp giữa các ngành với địa phương, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành tập trung, đồng bộ, thống nhất từ Trung ương tới địa phương. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về bảo đảm an ninh năng lượng trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với các quy hoạch năng lượng; bảo đảm chất lượng, tiến độ các dự án phát triển năng lượng.

1.3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và Nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của an ninh năng lượng, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về phát triển năng lượng, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Trong đó, chú trọng tuyên truyền, nâng cao ý thức, thay đổi hành vi sử dụng năng lượng, trong đó, chú trọng đa dạng hóa các hình thức truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác; phát động, triển khai hiệu quả các phong trào trong cộng đồng doanh nghiệp và người dân về chuyển đổi năng lượng, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường.

2. Triển khai thực hiện thể chế, chính sách cải thiện môi trường đầu tư để trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển năng lượng

2.1. Quyết tâm, quyết liệt tổ chức triển khai hiệu quả pháp luật về điện lực, dầu khí, địa chất và khoáng sản, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương rà soát, tháo gỡ các “điểm nghẽn” về thể chế trong quy hoạch, cấp phép, huy động vốn... cho các dự án về năng lượng.

2.2. Triển khai kịp thời các chính sách khuyến khích các hộ sử dụng điện lớn xây dựng hệ thống thu hồi năng lượng để sản xuất điện; cơ chế, chính sách ưu đãi phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ và hệ thống lưu trữ năng lượng; cơ chế, chính sách đặc thù phát triển mạnh các hệ thống xử lý rác có thu hồi năng lượng; thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ carbon thấp, trung hòa carbon.

2.3. Ban hành, công khai danh mục các dự án năng lượng (*các dự án đã triển khai, dự kiến triển khai trong giai đoạn 2025-2030*) và phân nhóm các dự án cụ thể theo từng năm 2026, 2027...

2.4. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng quy hoạch phát triển năng lượng, đặc biệt trong ngành điện, bảo đảm tính ổn định, đồng bộ, gắn kết với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; quy hoạch năng lượng có tính mở, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm phục vụ phát triển, phân phối hài hòa cho các ngành, lĩnh vực (*công nghiệp, nông nghiệp, chuyển đổi số, quốc phòng, an ninh, đô thị, nông thôn, vùng sâu, vùng xa...*). Xác định rõ trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp trong tổ chức triển khai thực hiện các quy hoạch phát triển năng lượng, đặc biệt là Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII; trong trường hợp cần thiết, kịp thời rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế. Trường hợp việc lập, thẩm định các dự án năng lượng quan trọng, cấp bách của quốc gia có nội dung khác với quy hoạch có liên quan thì không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch; sau khi dự án được phê duyệt, các quy hoạch có liên quan phải được kịp thời rà soát, điều chỉnh, cập nhật và công bố. Quyết liệt hoàn thiện các quy hoạch địa phương cho phù hợp với quy hoạch của Trung ương phê duyệt trên địa bàn tỉnh trên cơ sở đảm bảo sự phù hợp.

2.5. Tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, khuyến khích các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân tham gia đầu tư phát triển năng lượng, đặc biệt là các dự án năng lượng xanh, sạch, công nghệ mới. Quyết liệt cải cách triệt để thủ tục hành chính, cắt giảm 30 - 50% thời gian thực hiện, chi phí tuân thủ và điều kiện kinh doanh, tạo môi trường thuận lợi trong đầu tư, kinh doanh, xây dựng, vận hành các dự án năng lượng trên địa bàn.

3. Phát triển nguồn cung và hạ tầng năng lượng, bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng

3.1. Phát triển bền vững các nguồn phát điện đảm bảo an toàn, tin cậy, ổn định, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đa dạng hóa các nguồn năng lượng, triển khai các cơ chế ưu tiên cho việc chủ động phát triển các nguồn năng lượng trên địa bàn tỉnh. Hình thành Trung tâm công nghiệp năng lượng tích hợp với lọc hóa dầu, điện, năng lượng tái tạo tại tỉnh Đắk Lắk phù hợp với tình hình thực tế và khả năng đáp ứng hạ tầng về năng lượng, giao thông.

3.2. Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án năng lượng trọng điểm, đặc biệt là các dự án nguồn điện và lưới điện truyền tải; triển khai thực hiện các chế tài nghiêm khắc đối với các nhà đầu tư đăng ký phát triển các dự án năng lượng nhưng chậm hoặc không triển khai làm ảnh hưởng đến an ninh năng lượng quốc gia. Tăng cường công tác chỉ đạo, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các dự án đầu tư trong lĩnh vực năng lượng. Kiên quyết xử lý các dự án về năng lượng chậm tiến độ và thời gian quá 24 tháng.

Về thủy điện, nghiên cứu, xem xét việc phát triển có chọn lọc đối với thủy điện vừa và nhỏ đúng quy định pháp luật, hài hòa an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, năng lượng và an ninh con người vì sự phát triển bền vững, giảm thiểu những tác động tiêu cực đối với môi trường và xã hội. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý nhà nước đảm bảo các nhà máy thủy điện vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa liên hồ, đơn hồ thủy điện, lệnh vận hành (nếu có) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo đúng quy trình, quy định pháp luật.

Về dầu khí, thu hút đầu tư, phát triển hợp lý hệ thống hạ tầng phân phối xăng dầu, khí hóa lỏng nhằm đảm bảo lưu thông và bình ổn thị trường tiêu thụ, đáp ứng toàn bộ nhu cầu xăng dầu trong tỉnh, nghiên cứu phát triển đường ống dẫn dầu, khí hóa lỏng từ cảng lên khu vực trung tâm ven biển; áp dụng các chính sách, khuyến khích sử dụng tiết kiệm xăng dầu, khuyến khích sử dụng nhiên liệu ít phát thải nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và bảo vệ môi trường.

Về điện gió và điện mặt trời, ưu tiên phát triển phù hợp với khả năng bảo đảm an toàn hệ thống điện, đặc biệt là các nguồn điện tự sản xuất, tự tiêu thụ, điện mặt trời mái nhà. Rà soát, kiến nghị với Bộ, ngành Trung ương kịp thời tháo gỡ khó khăn đối với các dự án điện gió, điện mặt trời để bổ sung nguồn điện quốc gia, tránh lãng phí nguồn lực đầu tư xã hội, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhà đầu tư trên tinh thần “*lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ*”; xử lý nghiêm các sai phạm theo quy định của pháp luật.

Đối với nhiệt điện, phát triển dự án nhiệt điện khí đồng bộ từ khâu cung ứng, lưu trữ nhiên liệu.

Đối với điện đồng phát, điện tận dụng nhiệt dư, khí dư, sinh khối, rác thải và chất thải rắn, khai thác tối đa nguồn điện sinh khối đồng phát; tăng cường phát triển các nguồn điện từ rác thải đô thị, chất thải rắn và sinh khối; khuyến khích phát triển điện từ thu hồi khí dư, nhiệt dư, nước dư của các nhà máy; các loại hình nguồn điện này được phát triển không giới hạn bởi quy mô quy hoạch.

Về tăng cường dự trữ năng lượng chiến lược, lưu trữ năng lượng, đầu tư xây dựng hệ thống kho dự trữ xăng dầu, khí đốt phù hợp với quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia; quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu quốc gia theo tiến độ của quy hoạch, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và an ninh năng lượng. Phát triển, đầu tư, xây dựng hệ thống pin lưu trữ năng lượng phù hợp với quy mô công suất các dự án năng lượng tái tạo để nâng cao độ tin cậy, hiệu quả và sự ổn định của hệ thống điện.

Về phát triển hạ tầng năng lượng hiện đại, thông minh, bền vững, kết nối khu vực và quốc tế hiệu quả, khuyến khích ngành điện đầu tư hiện đại hoá từ khâu sản xuất, truyền tải đến phân phối, có khả năng tích hợp quy mô lớn nguồn năng lượng tái tạo; nâng cao khả năng bảo đảm an ninh mạng lưới điện và chất lượng dịch vụ điện; giảm thiểu tối đa tổn thất điện năng; hiện đại hoá hệ thống điều độ điện, từng bước triển khai áp dụng những công nghệ tự động, thông minh trong giám sát vận hành lưới điện. Phát triển hệ thống lưới điện truyền tải đồng bộ với phát triển nguồn điện, có khả năng tích hợp, lưu trữ quy mô lớn nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới... Tiếp tục kêu gọi đầu tư xây dựng các đường dây 500 kV, 220 kV, 110 kV và các trạm biến áp để bảo đảm khả năng truyền tải điện từ các trung tâm sản xuất điện đến các trung tâm phụ tải; hoàn thiện mạng lưới cấp điện cho các khu kinh tế, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Triển khai các cơ chế, chính sách huy động nguồn vốn từ khu vực tư nhân tham gia phát triển hạ tầng truyền tải điện theo mô hình hợp tác công tư (PPP).

4. Đẩy mạnh tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu

4.1. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 theo Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình quốc gia về Quản lý nhu cầu điện giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 08/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, tiêu thụ ít năng lượng. Không cho phép đầu tư đối với các dự án có công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều năng lượng và gây ô nhiễm môi trường; từng bước loại bỏ các thiết bị, máy móc có hiệu suất năng lượng thấp.

4.2. Triển khai có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước liên quan lĩnh vực năng lượng. Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc kèm theo chế tài để nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, nhất là những lĩnh vực, ngành, sản phẩm có mức tiêu thụ năng lượng cao. Khuyến khích sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo trong giao thông, các doanh nghiệp tự sản xuất và sử dụng năng lượng sạch. Thực hiện tốt việc quản lý nhu cầu điện, điều chỉnh phụ tải điện, nhất là vào giờ cao điểm, mùa khô.

4.3. Tăng cường phòng ngừa, kiểm soát các đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; xử lý nghiêm các vi phạm về an toàn môi trường theo quy định của pháp luật. Thông tin tuyên truyền kịp thời và đầy đủ về công tác bảo vệ môi trường trong ngành năng lượng. Khuyến khích phát triển công nghiệp môi trường gắn với ngành năng lượng.

5. Tập trung huy động mọi nguồn lực xã hội, khuyến khích mạnh mẽ khu vực tư nhân tham gia phát triển năng lượng

5.1. Tạo môi trường đầu tư thuận lợi, minh bạch; đảm bảo nguồn vốn thực hiện các quy hoạch phát triển năng lượng; khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, phát triển các dự án năng lượng sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường gắn với đầu tư lưới điện truyền tải, hệ thống pin lưu trữ nhằm giải tỏa công suất của các dự án trên địa bàn tỉnh.

5.2. Đẩy mạnh thu hút đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài có quy mô, chất lượng và hiệu quả. Chủ động rà soát, kiến nghị Bộ, ngành Trung ương tháo gỡ vướng mắc để tận dụng vốn viện trợ phát triển chính thức ODA, vốn hỗ trợ quốc tế, nhất là nguồn vốn trong khuôn khổ Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) cho các dự án năng lượng (nếu có). Tiếp tục cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính để khuyến khích doanh nghiệp, người dân tham gia đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo nhỏ và vừa, các dự án vừa sản xuất, vừa tiêu thụ năng lượng.

5.3. Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia vào các dự án đầu tư hạ tầng lưu trữ năng lượng như pin tích trữ, kho LNG, kho xăng, dầu cả trên đất liền và trên biển. Triển khai các cơ chế về giá truyền tải điện để thu hút mạnh mẽ khu vực tư nhân đầu tư phát triển lưới điện truyền tải.

5.4. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp và hiện đại hóa lưới điện nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa; đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục, ổn định cho sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân.

6. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực năng lượng

6.1. Tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới

sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” và các nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trong ngành năng lượng.

6.2. Khuyến khích các doanh nghiệp năng lượng tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và phát triển. Tiếp tục triển khai chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia về nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng giai đoạn 2021-2030.

6.3. Từng bước áp dụng các biện pháp khuyến khích và bắt buộc đổi mới công nghệ, thiết bị trong ngành năng lượng cũng như những ngành, lĩnh vực sử dụng nhiều năng lượng. Tăng cường đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu sử dụng của ngành năng lượng.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tổ chức phổ biến, quán triệt về nội dung cơ bản của Nghị quyết số 70-NQ/TW và Kế hoạch này đến đội ngũ cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong hệ thống chính trị và Nhân dân; đồng thời, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng Chương trình hành động chi tiết ngay trong Quý I/2026 (*theo nguyên tắc “5 nhất quán, 3 công khai, 3 sớm, 5 rõ”*⁴) để tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh; ưu tiên bố trí đủ nguồn lực; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch ngay trong năm đầu tiên của nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất, giai đoạn 2025-2030 để góp phần đóng góp cho sự phát triển của tỉnh trong các năm tiếp theo; định kỳ sơ kết, tổng kết báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả thực hiện. Quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy để lãnh đạo, chỉ đạo.

3. Đảng ủy HĐND tỉnh lãnh đạo HĐND tỉnh chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách, quy định liên quan theo thẩm quyền để triển khai thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW và Kế hoạch này; tăng cường công tác giám sát theo thẩm quyền việc tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định, hiệu quả, sát thực tiễn.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, đôn đốc các đảng bộ trực thuộc tổ chức tuyên truyền, quán

⁴ 5 nhất quán (*chính trị - pháp lý - dữ liệu - phân bổ nguồn lực - truyền thông*); 3 công khai (*mục tiêu - tiến độ - kết quả*); 3 sớm (*sớm hoàn thiện thể chế - sớm khởi động dự án trọng điểm - sớm bố trí vốn*) và 5 rõ (*rõ việc - rõ người - rõ trách nhiệm - rõ thời gian - rõ kết quả*).

triệt nội dung Nghị quyết số 70-NQ/TW và Kế hoạch này. Chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tin và truyền thông, báo chí tăng cường thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và Nhân dân đối với chính sách phát triển năng lượng.

5. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW và Kế hoạch này, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến khi có vấn đề phát sinh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Chính sách, chiến lược TW, } (báo cáo)
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Đảng ủy Chính phủ,
- Các vụ địa phương của các ban Đảng TW,
- Các CQ chuyên trách tham mưu,
- giúp việc của Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Đảng ủy HĐND tỉnh,
- Đảng ủy MTTQ Việt Nam
- và các tổ chức CT-XH của tỉnh,
- Các đ/c Ủy viên BTV Tỉnh ủy,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Đỗ Hữu Huy